Ngày soạn: 05/3/2023 Ngày dạy: 07/3/2023

 **Tiết 53**

**BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG VI**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này,HS củng cố, rèn luyện kĩ năng:

- Củng cố khái niệm và tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận đại lượng tỉ lệ nghịch.

- Rèn luyện kĩ năng nhận biết các đại lượng tỉ lệ thuận và các đại lượng tỉ lệ nghịch.

- Vận dụng được tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch trong giải toán.

- Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn liên quan đến đại lượng tỉ lệ thuận và đại lượng tỉ lệ nghịch.

***-*** Hệ thống được các nội dung đã học trong chương và cung cấp một số bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết các kiến thức, kĩ năng đã học trong chương.

- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ; biết tích hợp toán học và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,..

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức từ đầu chương tới giờ.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ của HS về kiến thức chương 6.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động theo kĩ thuật khăn trải bàn hệ thống lại kiến thức đã học của chương và tổng hợp ý kiến vào giấy A1 thành sơ đồ tư duy và yêu cầu các nhóm trình bày rõ các nội dung sau:

*+ Khái niệm, tính chất tỉ lệ thức*

*+ Khái niệm, tính chất dãy tỉ số bằng nhau*

*+ Khái niệm, tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận.*

*+ Khái niệm, tính chất của đại lượng tỉ lệ nghịch.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình GV gọi bất kì HS nào trong nhóm đại diện trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- HS củng cố lại toàn bộ kiến thức trong chương thông qua giải một số bài tập.

**b) Nội dung:**

- HS áp dụng kiến thức, luyện tập thực hiện hoàn thành lần lượt các bài tập theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm học tập:**

- Hoàn thành đúng các bài tập được giao

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* ***6.33; 6.34; 6.35*** *(SGK – tr21) vào vở và lên bảng trình bày.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoàn thành các yêu cầu.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện theo yêu cầu của GV tự hoàn thành các bài tập vào vở.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi BT GV mời đại diện 2 HS trình bày bảng. Các HS khác chú ý hoàn thành bài, theo dõi nhận xét bài các bạn trên bảng.

**Kết quả:**

**Bài 6.33:**

Từ bốn số đã cho ta chỉ lập được đẳng thức: 0,2.1,2 = 0,3.0,8

Từ đẳng thức này ta lập được bốn tỉ lệ thức:

$\frac{0,2}{0,3}=\frac{0,8}{1,2}$ ; $\frac{0,2}{0,8}=\frac{0,3}{1,2}$ ; $\frac{0,2}{0,8}=\frac{0,3}{1,2}$ ; $\frac{0,3}{0,2}=\frac{1,2}{0,8}$; $\frac{0,3}{1,2}=\frac{0,2}{0,8}$

**Bài 6.34.**

Từ $\frac{x}{2,5}=\frac{10}{15}⇒$ x = $\frac{10.2,5}{15}=\frac{5}{3}$. Vậy x = $\frac{5}{3}$

**Bài 6.35.**

Từ $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}$ $⇒$ a.d = b.c. Từ đẳng thức này suy ra các tỉ lệ thức sau (ngoài tỉ lệ thức $\frac{a}{b}=\frac{c}{d}$):

$\frac{a}{c}=\frac{b}{d}$; $\frac{d}{b}=\frac{c}{a}$; $\frac{d}{c}=\frac{b}{a}$

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn ra hoàn thành bài nhanh và đúng.

- GV nhận xét, đánh giá quá trình luyện tập của HS, lưu ý lỗi HS hay mắc phải khi thực hiện tính toán, vận dụng để HS thực hiện bài tập và tính toán chính xác nhất.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống, vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, rèn luyện tư duy toán học qua việc giải quyết vấn đề toán học

**b) Nội dung:** HS vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học trong chương thực hiện các bài tập GV giao.

**c) Sản phẩm:** HS thực hiện hoàn thành đúng kết quả các bài tập được giao.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn và chia lớp thành các nhóm 4 hoàn thành **BT 6.36 + 6.37** (SGK-tr21)

- GV cho HS tự hoàn thành **BT 6.38** (SGK-tr21) vào vở cá nhân.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các thành viên trong nhóm trao đổi hoàn thành các bài tập được giao vào PBT.

- HS tự hoàn thành các bài tập 7, 8, 9 vào vở cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Hoạt động nhóm: Các thành viên tích cực tham gia thảo luận hoàn thành yêu cầu; đại diện các nhóm trình bày kết quả của nhóm.

- Hoạt động cá nhân: Mỗi BT, GV mời 1 HS lên bảng trình bày.

**Kết quả:**

**Bài 6.36**

a) Một người cao 170 cm sẽ có chiều cao xấp xỉ bằng $\frac{170}{2,54}≈$67 (in).

b) Chiều cao của một người tính theo xentimet tỉ lệ thuận với chiều cao của người đó tính theo inch và hệ số tỉ lệ bằng 2,54.

**Bài 6.37**

Theo đề, số đo các góc $\frac{\hat{A}}{5}=\frac{\hat{B}}{6}=\frac{\hat{C}}{7 }$ =$ \frac{\hat{A}+\hat{B}+\hat{C}}{5+6+7}$=$\frac{180^{0}}{18}=10^{0}$

$⇒$ $\hat{A}=50^{0}$; $\hat{B}=60^{0}$; $\hat{C}=70^{0}$

Vậy số đo ba góc của tam giác ABC lần lượt là: 50o; 60o và 70o.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức và đánh giá mức độ tích cực tham gia hoạt động nhóm của HS và đánh mức độ hiểu và tiếp nhận kiến thức của HS.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ kiến thức trong chương.

- Hoàn thành các bài tập còn + BT SBT.

- Chuẩn bị bài mới, chương mới “ ***Bài 1. Biểu thức số, biểu thức đại số***”.

Ngày soạn: 05/3/2023 Ngày dạy: 08/3/2023

# CHƯƠNG VII: BIỂU THỨC ĐẠI SỐ VÀ ĐA THỨC MỘT BIẾN

**Tiết 54**

**BÀI 24. BIỂU THỨC ĐẠI SỐ (1 TIẾT)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết được biểu thức số và biểu thức đại số

- Nhận biết được các biến trong một biểu thức đại số

- Nhận biết được giá trị của một biểu thức.

**2. Năng lực**

 **Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**Năng lực riêng:**

- Tính được giá trị của một biểu thức đại số khi cho giá trị của các biến.

**3. Phẩm chất**

- Cóý thức học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, có ý thức làm việc nhóm.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT.

**2. Đối với HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm; ôn lại các biểu thức số và biểu thức chứa chữ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Thông qua một bài toán về chuyển động, HS thấy lợi ích của phương pháp dùng chữ thay số.

- Giúp HS có hứng thú và gợi động cơ với nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS thực hiện các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** HS trả lời được câu hỏi mở đầu theo hiểu biết bản thân.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV giới thiệu về nội dung bài toán mở đầu: *Giả sử một ô tô đi với vận tốc không đổi 50 km/h. Khi đó, biểu thức biểu thị quãng đường ô tô đi được trong t (giờ) là 50.t(km).*

*Ta có thể tính quãng đường ô tô đi được trong thời gian tùy ý bằng cách thay t bởi một số thích hợp. Chẳng hạn, nếu t = 2 giờ thì quãng đường ô tô đi được là 50 . 2 = 100 (km).*

+ GV đặt vấn đề: *Hai biểu thức 50.2 và 50.t có gì khác nhau?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm đôi hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS đưa ra câu trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV ghi nhận câu hỏi của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: *Trong tình huống trên, ta đã dùng chữ t thay cho một số. Nhờ đó ta có thể phát biểu và giải được nhiều bài toán có nội dung tương tự nhau. Trong bài này ta sẽ bước đầu tìm hiểu về phương pháp dùng chữ thay số.*

$⇒$**Bài 24: Biểu thức đại số**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Biểu thức đại số**

**a) Mục tiêu:**

- HS phân biệt được biểu thức số và biểu thức chứa chữ.

- HS nhận biết khái niệm biến.

- HS hiểu quy ước về cách viết dấu nhân trong biểu thức đại số.

- HS nhận ra được quy tắc, tính chất các phép tính, tính chất các phép tính khi áp dụng cho các biến.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV để tiếp nhận các kiến thức về biểu thức đại số.

**c) Sản phẩm:** HS phân biệt được biểu thức số, biểu thức đại số, hiểu khái niệm biến số, trả lời được các câu hỏi **HĐ1**, **HĐ2**, hoàn thành bài **Luyện tập**.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV dẫn dắt, yêu cầu HS nhắc lại về biểu thức.- GV chiếu slide 4 biểu thức **HĐ1**, yêu cầu HS trao đổi và chỉ ra biểu thức số, biểu thức chứa chữ.$\rightarrow $Đại diện các nhóm trình bày, lớp nhận xét, GV đánh giá. - GV cho làm việc cá nhân thực hiện **HĐ2** vào vở:+ GV mời 1-2 HS phát biểu lại công thức tính chu vi hình chữ nhật.$\rightarrow $Đại diện các nhóm trình bày, lớp nhận xét, GV đánh giá. - GV dẫn giải: Người ta đã dùng chữ x biểu thị độ dài một cạnh của hình chữ nhật, viết thay cho một số nào đó. Chữ x thường được gọi là biến số (gọi tắt là biến). Số và biến trong biểu thức $2\left[\left(x+3\right)+x\right] $được nối với nhau bởi dấu các phép toán là một biểu thức đại số. *Vậy biểu thức đại số là gì?*- GV dẫn dắt, sau đó chốt kiến thức:*Biểu thức không chứa chữ gọi là* ***biểu thức số.*** *Biểu thức chỉ chứa số hoặc chỉ chứa chữ hoặc chứa cả số và chữ gọi chung là* ***biểu thức đại số****.**Trong một biểu thức đại số, các chữ (nếu có) dùng để thay thế hay đại diện cho những số nào đó được gọi là các* ***biến số*** (*gọi tắt là các* ***biến***).- GV cho 1-2 HS đọc, phát biểu khung kiến thức trọng tâm. - GV cho HS trao đổi, thảo luận nêu các ví dụ khác về biểu thức đại số.- GV lưu ý cho HS phần *Chú ý - SGK-tr23*- GV yêu cầu HS áp dụng kiến hoàn thành **Luyện tập,** sau đó trao đổi cặp đôi kiểm tra chéo.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu, thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.- GV: quan sát và trợ giúp HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - Hoạt động nhóm đôi: Hai bạn cùng bạn giơ tay phát biểu, trình bày miệng. Các nhóm khác chú ý nghe, nhận xét, bổ sung.- Cá nhân: giơ tay phát biểu trình bày bảng. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại khái niệm *biểu thức số*, *biểu thức đại số*, *biến số* và các lưu ý cần nhớ. | * ***Biểu thức đại số***

**HĐ1:**- Các biểu thức số: a, c- Các biểu thức chứa chữ: b, d**HĐ2:**Biểu thức biểu thị chu vi hình chữ nhật là:$$P=2\left[\left(x+3\right)+x\right]$$$$=\left(2x+3\right).2$$$$=3x+6$$\* Chú ý:- Để cho gọn, khi viết các biểu thức đại số, ta không viết dấu nhân giữa các biến, cũng như giữa biến và số.Chẳng hạn, a.b và 2.a tương ứng có thể viết là ab và 2a.- Thông thường ta không viết thừa số 1 trong một tích. Chẳng hạn, 1 xy viết là xy; (-1).ab viết là -ab.- Với các biến, ta cũng có thể áp dụng các quy tắc và tính chất của các phép tính như đối với các số. Chẳng hạn:x + x = 2x; xxx = x3; x + y = y + x.x.(y+z) = xy + xz; -(x+y-z) = -x - y + z;…**Luyện tập**a) Biến trong biểu thức: $3x^{2}-1$ là $x$b) Biến trong biểu thức: 3a + b là a và b |

**Hoạt động 2: Giá trị của biểu thức đại số**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được cách tính giá trị của một biểu thức đại số khi cho biết giá trị của các biến.

- Vận dụng, luyện kĩ năng mô hình hóa Toán học.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK và thực hiện lần lượt các yêu cầu của GV, để tìm hiểu nội dung kiến thức về giá trị của biểu thức đại số.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức về giá trị của biểu thức đại số, hoàn thành bài tập ví dụ, **Vận dụng**.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV tổ chức cho HS đọc phần *Đọc hiểu – nghe hiểu*: SGK-tr24 thảo luận nhóm đôi về cách tính giá trị của một biểu thức đại số.$\rightarrow $ HS trả lời, lớp nhận xét, GV đánh giá, dẫn dắt, chốt kiến thức về cách tính giá trị của một biểu thức đại số. - GV yêu cầu HS đọc hiểu, trao đổi nhóm đôi và thực hiện **Ví dụ** vào vở cá nhân.- GV cho HS áp dụng kiến thức tự hoàn thành **Vận dụng** vào vở, sau đó trao đổi cặp đôi kiểm tra chéo.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.- GV: quan sát và trợ giúp HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày- Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại cách tính giá trị biểu thức đại số và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. | * ***Giá trị của biểu thức đại số***

Nếu thay p = 5 và q = 7 vào biểu thức A = 3p – q rồi thực hiện phép tính, ta được:3.5 – 7 = 8Khi đó, ta nói: 8 là **giá trị của biểu thức** A tại p = 5 và q = 7 hay khi p = 5 và q = 7 thì **giá trị của biểu thức** A là 8.$⇒ $*Muốn tính* ***giá trị của một biểu thức đại số*** *tại những giá trị cho trước của các biến, ta thay giá trị đã cho của mỗi biến vào biểu thức rồi thực hiện các phép tính.**Ví dụ: SGK-tr24* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức về biểu thức đại số, cách tính giá trị của biểu thức đại số thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HSvận dụng các kiến thức về biểu thức đại số, cách tính giá trị của biểu thức đại số trao đổi và thảo luận nhóm hoàn thành bài tập GV giao

**c) Sản phẩm học tập:** HS giải quyết được tất cả các bài toán thực tế liên quan đến kiến thức về biểu thức đại số.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổng hợp các kiến thức cần ghi nhớ cho HS về biểu thức đại số và giá trị biểu thức đại số

- GV tổ chức cho HS tự hoàn thành các **BT 7.1; 7.2; 7.3** (SGK – tr24)**.** (Đối với mỗi bài tập, GV hỏi đáp và gọi đại diện thành viên nêu phương pháp làm)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, có thể trao đổi, thảo luận nhóm đôi hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi BT GV mời đại diện các nhóm trình bày. Các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài các nhóm trên bảng.

**Kết quả:**

**Bài 7.1** a) $\frac{1}{2}\left(x+y\right) $b) $(x+y)xy$

**Bài 7.2** Biểu thức biểu thị diện tích của hình thang:$S=\frac{1}{2}h(a+b)$

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các hoạt động tốt, nhanh và chính xác.

- GV chú ý cho HS các lỗi sai hay mắc phải khi làm bài

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng thực tế để nắm vững kiến thức.

- HS thấy sự gần gũi toán học trong cuộc sống, vận dụng kiến thức vào thực tế, rèn luyện tư duy toán học qua việc giải quyết vấn đề toán học

**b) Nội dung:** HS vận dụng các kiến thức về biểu thức đại số và giá trị của biểu thức đại số, trao đổi và thảo luận hoàn thành các bài toán thực tế theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài toán thực tế được giao.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS làm BT **7.4** (SGK-tr24), cho HS sử dụng kĩ thuật chia sẻ cặp đôi để trao đổi và kiếm tra chéo đáp án.

- GV tổ chức cho HS củng cố, khắc sâu kiến thức qua "Trò chơi trắc nghiệm":

**Câu 1.** Biểu thức đại số là:

A. Biểu thức có chứa chữ và số

B. Biểu thức bao gồm các phép toán trên các số (kể cả những chữ đại diện cho số)

C. Đẳng thức giữa chữ và số

D. Đẳng thức giữa chữ và số cùng các phép toán

**Câu 2.** Cho a,b là các hằng số. Tìm các biến trong biểu thức đại số

$$x^{2}.(a^{2}-ab+b^{2})+y.x(a^{2}-ab+b^{2})+y$$

A. a;b B. a;b;x; y C. x; y D. a; b; x

**Câu 3.** Nam mua 10 quyển vở, mỗi quyển giá x đồng và hai bút bi, mỗi chiếc giá y đồng. Biểu thức biểu thị số tiền Nam phải trả là

A. 2x - 10y (đồng) B. 10x - 2y (đồng)

C, 2x + 10y (đồng) D. 10x + 2y (đồng)

**Câu 4.** Một bể đang chứa 480 lít nước, có một vòi chảy được  x lít. Cùng lúc đó một vòi khác chảy từ bể ra. Một phút lượng nước chảy ra bằng 1/4 lượng nước chảy vào. Hãy biểu thị lượng nước trong bể sau khi đồng thời mở cả hai vòi trên sau a phút

A. $480+\frac{3}{4}ax$ (lít) B. $\frac{3}{4}ax$ (lít)

C. $480-\frac{3}{4}ax$ (lít) D. $480+ax$(lít)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện hoàn thành bài tập được giao và trao đổi cặp đôi đối chiếu đáp án.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV mời đại diện một vài HS trình bày miệng.

**Kết quả:**

**Bài 7.4**

a) Biểu thức đại số biểu thị lượng nước bơm được của hai máy:$Q=5x+3,5y$

b) Lượng nước bơm được của cả hai máy:Thay $x=2$ (giờ), $y=3$ (giờ) vào biểu thức $Q=5x+3,5y$, ta được: $Q=5.2+3,5.3=20,5$ (m3)

**Đáp án trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| B | C | D | A |

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá khả năng vận dụng làm bài tập, chuẩn kiến thức và lưu ý lại một lần nữa các lỗi sai hay mắc phải cho lớp.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

* Ghi nhớ kiến thức trong bài.
* Hoàn thành các bài tập trong SBT
* Chuẩn bị bài mới “ **Bài 25. Đa thức một biến**”.

**Tây Hoà, ngày 05 tháng 3 năm 2023**

 **Người soạn**